



SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH NGHỆ AN
BAN QUẢN LÝ DI TÍCH & DANH THẮNG



LÝ LỊCH DI TÍCH NHÀ THỜ HỌ DOÃN

(Xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An)



Năm 2016



LÝ LỊCH DI TÍCH NHÀ THỜ HỌ DOÃN

I. TÊN GỌI DI TÍCH:

1. Tên gọi di tích được thống nhất sử dụng trong hồ sơ khoa học di tích:

Nhà thờ họ Doãn.

Nhà thờ họ Doãn được con cháu dòng họ xây dựng nên để làm nơi thờ vị thủy tổ và hậu duệ của dòng họ trong đó có nhiều người có công với dân, với nước như: Doãn Văn Ngôn, Doãn Văn Chấp, Doãn Văn, Doãn Trương, Doãn Giá...

2. Tên gọi khác của di tích: Không.

II. ĐỊA ĐIỂM VÀ ĐƯỜNG ĐI ĐẾN DI TÍCH:

1. Địa điểm di tích:

- Thời Nguyễn:

+ Năm 1802, niên hiệu Gia Long năm thứ nhất, di tích thuộc giáp Thổ Ngõa, làng Phú Khang, xã Tiên Thành, tổng Quan Trung, huyện Đông Thành, phủ Diên Châu, trấn Nghệ An.

+ Năm 1831, niên hiệu Minh Mệnh thứ 12, trấn Nghệ An đổi thành tỉnh Nghệ An. Di tích thuộc giáp Thổ Ngõa, làng Phú Khang, xã Tiên Thành, tổng Quan Trung, huyện Đông Thành, phủ Diên Châu, tỉnh Nghệ An.

+ Năm 1837, niên hiệu Minh Mệnh thứ 18, huyện Đông Thành được chia thành 2 huyện Đông Thành và Yên Thành theo chiều Đông Tây. Di tích thuộc giáp Thổ Ngõa, Làng Phú Khang, xã Tiên Thành, tổng Quan Trung, huyện Đông Thành, phủ Diên Châu, tỉnh Nghệ An.

+ Năm 1889, niên hiệu Thành Thái năm thứ nhất, làng Phú Khang đổi tên thành làng Phú Thọ. Lúc này di tích thuộc giáp Thổ Ngõa, làng Phú Thọ, xã Tiên Thành, tổng Quan Trung, huyện Đông Thành, phủ Diên Châu, tỉnh Nghệ An.

+ Năm 1898, niên hiệu Thành Thái năm thứ 10, huyện Đông Thành và huyện Yên Thành chia lại theo chiều Nam Bắc. Di tích thuộc giáp Thổ Ngõa, làng Phú Thọ, xã Tiên Thành, tổng Quan Trung, huyện Yên Thành, Phủ Diên Châu, tỉnh Nghệ An.

+ Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 theo chủ trương của nhà nước xóa bỏ cấp tổng và cấp phủ, giáp Thổ Ngõa đổi thành xóm Giáp Ngói. Lúc này toàn huyện Yên Thành chia thành 24 xã. Di tích thuộc xóm Giáp Ngói, làng Phú Thọ, xã Văn Hóa, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

+ Cuối năm 1948, thực hiện chủ trương tăng cường cấp xã, 24 xã nhỏ sát nhập lại thành 12 xã lớn. Lúc này 3 xã: Văn Hóa, Quan Thái, Quan Hóa sát nhập lại thành xã Tiên Long. Di tích thuộc xóm Giáp Ngói, làng Phú Thọ, xã Tiên Long, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

+ Tháng 11 năm 1953 xã Tiên Long được chia thành 3 xã nhỏ: xã Vĩnh Thành, Tiên Thành và Long Thành. Lúc này các xóm cũ được đặt tên theo các nhân vật lịch sử như: Trần Phú, Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Phong, Hồ Tùng Mậu. Di tích thuộc xóm Trần Phú, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

+ Năm 1976, tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh nhập thành tỉnh Nghệ Tĩnh. Di tích thuộc xóm Trần Phú, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ Tĩnh.

+ Năm 1991, tỉnh Nghệ Tĩnh tách thành hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Di tích thuộc xóm Trần Phú, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

+ Năm 1993, đơn vị hành chính xóm của xã Long Thành được tổ chức lại và lấy theo tên địa danh cũ. Lúc này di tích thuộc xóm Giáp Ngói, xã Long Thành, huyện Yên Thành và ổn định từ đó đến nay.

2. Đường đi đến di tích:

Nhà thờ họ Doãn nằm cách thành phố Vinh - Trung tâm Chính trị - Kinh tế - Văn hoá của tỉnh Nghệ An khoảng 55km về hướng Bắc và cách thị trấn huyện Yên Thành 6km về phía Nam. Du khách muốn đến tham quan di tích có thể đi bằng nhiều loại phương tiện khác nhau như: ô tô, xe máy, xe đạp...

- Xuất phát từ thành phố Vinh theo Quốc lộ 1A (tuyến Vinh – Hà Nội) đến ngã tư thị trấn Diễn Châu rẽ trái theo Quốc lộ 7A, đi về phía Tây khoảng 15 km đến cầu Khe Cát, xã Bảo Thành, rẽ phải đi theo đường Quốc lộ 48E khoảng 3km, đến ngã tư xã Long Thành tiếp tục rẽ trái đi khoảng 1km là đến di tích.

- Xuất phát từ Hà Nội: du khách đi theo Quốc lộ 1A (tuyến Hà Nội – Vinh) đến ngã ba Cầu Bùng rẽ phải theo quốc lộ 7B, đi tiếp khoảng 13km đến ngã ba thị trấn Yên Thành, tiếp tục rẽ trái theo quốc lộ 48E đi khoảng 7km là đến ngã tư xã Long Thành rồi đi theo chỉ dẫn như trên là đến di tích.

- Xuất phát từ Vinh theo Quốc lộ 1A (tuyến Vinh – Hà Nội) đến ngã ba đường tránh Vinh, thuộc địa phận xã Nghi Liên rẽ trái theo Quốc Lộ 48E đi khoảng 45km đến cầu Khe Cát, xã Bảo Thành rồi tiếp tục đi theo chỉ dẫn như trên là đến di tích.

III. PHÂN LOẠI DI TÍCH:

Căn cứ kết quả khảo sát, nghiên cứu các giá trị của di tích theo Luật Di sản văn hóa; căn cứ Điều 11 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hoá; căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử – văn hoá và danh

lam thẳng cánh, di tích nhà thờ họ Doãn thuộc loại hình: **Di tích Lịch sử và Kiến trúc nghệ thuật.**

IV. SỰ KIỆN, NHÂN VẬT LỊCH SỬ, ĐẶC ĐIỂM CỦA DI TÍCH.

1. NHÂN VẬT LỊCH SỬ.

Theo gia phả họ Doãn xóm Giáp Ngói, bài văn cúng và các tài liệu khác lưu tại nhà thờ họ Doãn cho biết dòng họ Doãn xóm Giáp Ngói là một dòng họ có công khai cơ mở đất lập nên giáp Thổ Ngõa xưa (*nay là xóm Giáp Ngói*).

Họ Doãn xóm Giáp Ngói từ khi về vùng Thổ Ngõa khai cơ lập nghiệp đến nay đã trải qua 12 đời với 2 chi, 5 nhánh trong đó có nhiều người có công với dân với nước tiêu biểu như: Doãn Văn Ngôn, Doãn Văn Cháp, Doãn Văn, Doãn Trương, Doãn Giá...

1.1. Doãn Văn Ngôn (đời thứ 1)

Theo gia phả họ Doãn xóm Giáp Ngói cho biết: Doãn Văn Ngôn⁽¹⁾, sinh năm Ất Dậu (1705), đời vua Lê Dụ Tông, niên hiệu Vĩnh Thịnh năm thứ nhất. Đến năm Canh Dần (1710), khi tròn 5 tuổi, Doãn Văn Ngôn bị lạc trên đường thì gặp ông Trần Lãnh Tuyên, người thôn Nội Hạp⁽²⁾, xã Tiên Thành đưa về bản xã gửi cho ông Dương Văn Hành nuôi dưỡng, từ đây ông trở thành con nuôi của Dương Văn Hành nên còn gọi là Dương Doãn Ngôn.

Được nuôi dưỡng trong một gia đình có cha làm thầy đồ nên Doãn Văn Ngôn được cha kèm dạy từ nhỏ. Không phụ lòng cha mẹ Doãn Văn Ngôn đã học hành chăm chỉ và luôn có thành tích xuất sắc hơn chúng bạn cùng trang lứa.

Năm Bính Ngọ (1726), đời vua Lê Dụ Tông niên hiệu Bảo Thái năm thứ 7 ông tham gia kỳ thi Hương và đậu Sinh đồ. Theo sách "*Lịch sử xã Long Thành*" cho biết "*Dương Doãn Ngôn Bảo Thái tiên nhân triều đại Hậu Lê đậu Sinh đồ*"⁽³⁾, nghĩa là "*Dương Doãn Ngôn đậu Sinh đồ vào niên hiệu Bảo Thái, triều Hậu Lê*" (*trương đương với Tú tài thời Nguyễn*).

Khoa thi năm Mậu Ngọ (1738), đời vua Lê Ý Tông, niên hiệu Vĩnh Hựu năm thứ 4, Doãn Văn Ngôn tiếp tục dự thi Hương lần thứ hai và đậu Hương Cống. Gia phả họ Doãn chép về sự kiện này như sau: "*Thủy tổ tiên Lê triều Hương cống Doãn tướng công*".

Mặc dù đậu Hương cống nhưng Doãn Văn Ngôn không ra làm quan mà ở lại quê nhà làm nghề dạy học và khai cơ lập nghiệp.

¹ Doãn Văn Ngôn là con nuôi của Dương Doãn Hành nên còn có tên gọi khác là Dương Doãn Ngôn (Nguyễn).

² Thôn Nội Hạp nay là xóm Trung Xá, xã Vĩnh Thành.

³ Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã Long Thành, Hà Nội 2013, "*Lịch sử xã Long Thành*", Nhà xuất bản Hồng Đức, tr235.

Sau khi Doãn Văn Ngôn lập gia thất, ông muốn tìm cho mình một vùng đất mới để an cư và phát triển dòng tộc. Trong khoảng thời gian này Doãn Văn Ngôn thường đi dạy học ở nhiều nơi trong vùng. Do đó ông có điều kiện tìm hiểu địa hình, thổ nhưỡng của vùng Giáp Ngói ngày nay. Doãn Văn Ngôn thấy đây là vùng đất đai rộng lớn, màu mỡ, bằng phẳng, là nơi gặp nhau của sông Bùng và sông Dinh nên rất thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp. Với những ưu điểm như vậy nên Doãn Văn Ngôn quyết định bỏ tiền của, công sức cùng vợ con đến đây để khai hoang vỡ đất lập làng và lập ra các xứ đồng như: Rộc Lai Láng, Nương Nảy, xứ Đầu Cồn những tên gọi địa danh này vẫn còn lưu truyền đến ngày nay.

Sau một thời gian dài cùng con cháu khai hoang vỡ đất phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống, Doãn Văn Ngôn đặt cho vùng đất mình mới khai phá được là giáp Thổ Ngõa thuộc làng Phú Khang, xã Tiên Thành. Sự kiện này được gia phả họ Doãn chép lại như sau: “*Thủy tổ Lê triều, vạng đồn điền tại Quan Trung tổng, Tiên Thành xã, khai khẩn điền thổ, chiêu tập dân cư*” nghĩa là “*Thủy tổ triều Lê lập đồn điền tại xã Tiên Thành, tổng Quan Trung khai khẩn đất hoang, chiêu tập dân cư.*”⁽⁴⁾

Doãn Văn Ngôn là người rất quan tâm đến đời sống tâm linh, Ông đã bỏ tiền và huy động nhân dân trong giáp góp công, góp sức xây dựng nên đền Thổ Ngõa thờ thần bản thổ, với mong muốn được thần bảo hộ che chở cho nhân dân giáp Thổ Ngõa.

Ông Doãn Văn Ngôn mất vào ngày 21 tháng chạp (không rõ năm) mộ táng tại xứ cồn Diêu (*nhân dân thường gọi mà ông Hương Cống*), hiện nay con cháu đã quy tập về nghĩa trang của dòng họ. Để tưởng nhớ công lao của ông và tri ân người có công với dân với nước, nhân dân Giáp Thổ Ngõa đã tôn Doãn Văn Ngôn làm hậu thần thờ tại đền Thổ Ngõa⁽⁵⁾ để bốn mùa hương khói.

Trong bài văn cúng lưu tại nhà thờ họ Doãn cũng chứng minh điều này: “*Hậu thần tối linh tôn tổ, tiên triều cơ khai dân lập làng*” nghĩa là (*tổ Doãn Văn Ngôn*) *trước có công triệu cơ khai dân lập làng được thờ làm hậu thần linh thiêng*”.

1.2. Doãn Văn Cháp (đời thứ 3).

Theo gia phả họ Doãn, nội dung sắc phong lưu tại di tích cho biết: Doãn Văn Cháp sinh năm Giáp Tuất (1754), đời vua Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh

⁴Gia phả họ Doãn xóm Giáp Ngói tài liệu đã dẫn, tr3

⁵ Đền Thổ Ngõa nay thuộc xóm Giáp Ngói, xã Long Thành, trong thời kỳ chiến tranh đền bị hư hỏng, hiện nay nhân dân và con cháu họ Doãn đang từng bước phục hồi lại di tích cũng như sinh hoạt văn hóa tại đền.

Hung thứ 15, tại giáp Thổ Ngõa, làng Phú Khang, xã Tiên Thành, tổng Quan Trung, huyện Đông Thành, phủ Diên Châu, trấn Nghệ An.

Doãn Văn Cháp là người có tư chất thông minh, nhanh nhẹn. Thừa nhỏ ngoài những lúc dùi mài kinh, sử Doãn Văn Cháp còn thường xuyên luyện tập võ nghệ.

Mặc dù được cha mẹ hướng theo nghiệp bút nghiên nhưng sinh ra và lớn lên trong giai đoạn cuối triều Lê, chứng kiến cảnh quan trường rối ren, đất nước rơi vào cảnh tranh giành thôn tính lẫn nhau giữa các tập đoàn phong kiến Trịnh – Nguyễn làm cho dân tình khổ cực, Doãn Văn Cháp đành xếp bút nghiên để theo nghiệp binh đao. Gia phả họ Doãn có đoạn viết: *“Tầng tổ phụ đã một thời gác bút nghiên ra chiến trường lập công giữ nước”*⁽⁶⁾

Năm Nhâm Thìn (1772), Doãn Văn Cháp tham gia quân đội của triều đình nhà Lê, được biên chế vào đội Ưu binh⁽⁷⁾ thuộc đạo quân Túc vệ để bảo vệ Hoàng Thành và Phủ chúa. Điều này được gia phả họ Doãn chép lại như sau: *“Mãnh tổ, đường thúc tiền Ưu binh Doãn nhị lang, húy Văn Cháp”*⁽⁸⁾

Chế độ phong kiến Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XVIII, nửa đầu thế kỷ XIX, rơi vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc và toàn diện, nạn cát cứ và nội chiến kéo dài khiến nhân dân phải chịu bao cảnh chết chóc, lầm than. Ở Đàng ngoài các phong trào nông dân bùng nổ, phát triển rộng khắp và mạnh mẽ, còn ở Đàng trong mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt, nhiều cuộc bạo động đã diễn ra nhưng lớn nhất là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn (1771). Trong bối cảnh đó lực lượng binh lính của triều đình nhà Lê đang tan rã và mất phương hướng. Nhận thấy sự bệ rạc, yếu hèn của nhà Lê khiến cuộc sống của người dân cơ cực, Doãn Văn Cháp hết sức chán nản. Năm Bính Ngọ (1786), Quang Trung Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc Hà lật đổ chế độ họ Trịnh, lập lại nền thống nhất đất nước. Lúc này, Doãn Văn Cháp đã nhìn thấy tia hy vọng mới, đó là người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ. Ngay khi đoàn quân của Quang Trung Nguyễn Huệ ra đến đất Bắc, Doãn Văn Cháp đã xin gia nhập và đi theo nghĩa quân để chiến đấu.

Năm Mậu thân (1788), Nguyễn Huệ đưa quân ra Bắc lần thứ 2 để đánh đuổi quân xâm lược nhà Thanh. Lúc này, Doãn Văn Cháp là vị tướng dũng lược, mưu trí nên được Nguyễn Huệ cho làm phụ tá, tham mưu cho nghĩa quân.

⁶ Gia phả họ Doãn, tài liệu đã dẫn, tr 13

⁷ Trong 3 phủ thuộc tỉnh Thanh Hoa và 12 huyện thuộc tỉnh Nghệ An, cứ 3 nhân đinh thì chọn lấy 1 binh. Hạng binh ấy được gọi là Ưu binh.

⁸ Gia phả họ Doãn tài liệu đã dẫn, tr 13

Từ năm Kỷ Dậu (1789), niên hiệu Quang Trung năm thứ 2 đến năm Nhâm Tý niên hiệu Quang Trung năm thứ 5 (1792) Doãn Văn Cháp có công đi theo phò tá vua Quang Trung lập được nhiều chiến công nên được ban chức “*Võ úy*”. Theo nội dung sắc phong được chép lại trong cuốn gia phả họ Doãn cho biết: “*nay xét định xứng đáng ban chức Võ úy, tước Nam khả gia Tráng Tiết tướng quân*”. (xem nội dung toàn sắc phong phần phụ lục).

Cuối năm Nhâm Tý (1792), Hoàng đế Quang Trung đột ngột qua đời, Doãn Văn Cháp phò vua Quang Toàn để tiếp tục sự nghiệp nhà Tây Sơn. Lúc này, Nguyễn Ánh nhờ thế lực bên ngoài và sự non yếu của chính quyền Tây Sơn đã nhiều lần tiến đánh Phú Xuân. Trong một lần đánh nhau với quân Nguyễn Ánh, Doãn Văn Cháp đã anh dũng hy sinh vào ngày 21 tháng 7 năm Canh Thân (1800).

Sau khi mất Doãn Văn Cháp cũng được phối thờ tại đền Giáp Ngói, con cháu và nhân dân thường gọi là “ông Tướng”. Hiện nay vào dịp húy kỵ của ông Doãn Văn Cháp con cháu và nhân dân vẫn thắp hương tại đền Thổ Ngõa và tổ chức lễ giỗ tại nhà thờ và gọi là giỗ ông Mạnh Tổ.

1.3. Doãn Văn (đời thứ 7).

Theo phả hệ của dòng họ Doãn cho biết: Doãn Văn là hậu duệ đời thứ 7 của dòng họ. Cha là Doãn Bá đậu khóa sinh và giữ chức sắc tại bản xã. Mẹ là Lê Thị Diệu người làng Liên Trì (*xã Liên Thành, huyện Yên Thành*). Doãn Văn sinh năm Mậu Dần (1898) niên hiệu Thành Thái năm thứ 10, tại giáp Thổ Ngõa, làng Phú Thọ, xã Tiên Thành, tổng Quang Trung, huyện Yên Thành, Phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Ngay từ nhỏ Doãn Văn đã thể hiện là người thông minh, nhanh nhẹn có chí khí, lại là con độc nhất trong gia đình nên ông được cha mẹ đặc biệt quan tâm rèn dạy. Ông Doãn Bá đã mời thầy giỏi trong vùng về nhà kèm dạy cho con mong cho con sau này làm nên nghiệp lớn.

Với bản chất thông minh cùng với sự cần cù chịu khó, Doãn Văn đã nhanh chóng tiếp thu kiến thức của các thầy đồ trong vùng. Để trau dồi thêm kiến thức cho con, ông Doãn Bá đã đưa Doãn Văn về quê ngoại làng Liên Trì để theo học các thầy đồ có kiến thức uyên thâm hơn. Không phụ lòng cha mẹ, Doãn Văn tiếp thu kiến thức rất nhanh và nổi tiếng là người thông minh sắc sảo, văn hay, chữ tốt.

Lớn lên trong hoàn cảnh đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, chứng kiến cảnh người dân bị đàn áp, bóc lột chàng thanh niên Doãn Văn đã không theo con đường khoa cử để mong tiến thân trên quan trường mà ở lại quê nhà làm thầy dạy học và tham gia các hoạt động cách mạng.

Trong khoảng thời gian từ 1918 đến năm 1928, thầy Doãn Văn đã đi rất nhiều nơi trong vùng Yên Thành để dạy học và giao lưu với các thầy đồ có tư tưởng yêu nước tiến bộ như: thầy nho Đáp, thầy nho Chính, thầy nho Tuyết.. ở xã Liên Thành, Mỹ Thành. Lúc này, các thầy đồ nho và tầng lớp thanh niên tiến bộ đã bí mật truyền tay nhau đọc các tân thư, tân văn. Trong các lớp học bên cạnh những bài học thông thường, thầy và trò đã truyền tay nhau đọc những văn thơ sôi sục tinh thần yêu nước của cụ Phan Bội Châu. Hòa chung vào phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX, thầy Văn đã tiếp thu những tư tưởng mới và đã hình thành nên tư tưởng yêu nước cách mạng.

Năm 1928, Doãn Văn tham gia vào tổ chức Việt Nam Thanh Niên Cách mạng đồng chí hội. Ông tích cực tuyên truyền, giác ngộ và diu dắt các anh em cùng trang lứa trong họ tộc tham gia phong trào cách mạng như: Doãn Trương, Doãn Giá, Doãn Lương...

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930), Doãn Văn đã tích cực tham gia vào các hoạt động của tổ chức Đảng ở Yên Thành.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí phái viên Tỉnh ủy có biệt danh là “Anh Đen” và đồng chí Lê Điều quê ở Ngọc Luật, các ông Doãn Văn, Doãn Trương, Nguyễn Trương, Nguyễn Yên, Trần Tiến, Nguyễn Vợi... đã tiến hành cuộc họp tại nhà ông Châu (ở Tam Đồng) để bàn và kết luận một số vấn đề quan trọng. *“Cuộc họp thống nhất việc phân công công tác cho các thành viên. Ông Nguyễn Thọ Châu được cử làm Bí thư chi bộ; ông Doãn Văn phụ trách tuyên truyền; ông Trần Tiến phụ trách tài chính; ông Nguyễn Trương phụ trách quản chúng kiêm Bí thư Nông hội đỏ.”*⁽⁹⁾.

Doãn Văn là thầy đồ, văn hay, chữ tốt, lại có năng khiếu làm thơ, viết nhạc nên đã được tổ chức phân công phụ trách công tác tuyên truyền cho tổ chức Đảng tại xã Tiên Thành lúc bấy giờ. Trong khoảng thời gian này Doãn Văn đã hoạt động sôi nổi để tuyên truyền cách mạng. Doãn Văn chọn những khu vực kín đáo, xa khu dân cư, đặc biệt là lấy các di tích đền, chùa, nhà thờ họ để làm nơi hội họp và diễn thuyết tuyên truyền tư tưởng yêu nước... Mặc dù quá trình hoạt động này của Doãn Văn không được các tài liệu ghi chép lại cụ thể nhưng theo tài liệu điền dã cho biết trong giai đoạn này Doãn Văn hoạt động rất nhiều nơi như đền Thủ Chủ, đền Nhà Ông, và tại nhà thờ họ Doãn...

Ngày 7 tháng 2 năm 1931, Huyện ủy Yên Thành tiếp tục tổ chức một cuộc biểu tình lớn ở chùa Ngu với sự tham gia của nhân dân cả 3 tổng Quan Trung, Vân

⁹ “Lịch sử xã Long Thành”, sdd, tr 158,59

Tụ, Quan Hóa tham gia. Nội dung cuộc biểu tình nhằm “*Vạch trần chính sách quy thuận của bọn thực dân phong kiến thống trị; vạch tội ác khủng bố dã man của bè lũ cầm quyền; vạch mặt những tên phản động cường hào can tâm làm tay sai cho địch*”. Để cổ động tinh thần đấu tranh, vạch rõ âm mưu của kẻ địch đồng chí Doãn Văn đã viết bài ca “Chống quy thuận” nhằm tuyên truyền và cổ vũ tinh thần đấu tranh chống lại chính sách quy thuận mà bọn thực dân phong kiến đang cố thực hiện⁽¹⁰⁾.

Sau cuộc biểu tình tại chùa Ngu bọn thực dân phong kiến đã tung mật thám về các làng lũng sục và nắm được danh sách các hạt nhân tích cực của phong trào. Ngày 28 tháng 2 năm 1931, bọn thực dân phong kiến kéo quân về các làng xã bắt các đảng viên và quân chúng tích cực tham gia phong trào cách mạng như: Doãn Văn, Doãn Trương, Nguyễn Trương, Nguyễn Yên, Nguyễn Hồ đem về huyện đường giam giữ. Đây là những cán bộ chủ chốt của trào cách mạng lúc bấy giờ.

Ngày 6 tháng 5 năm 1931 (tức ngày 19/3 âm lịch), các ông Doãn Văn, Doãn Trương, Nguyễn Trương, Nguyễn Yên bị đưa ra pháp trường tại Tràng Kè (xã Mỹ Thành) xử bắn. Trước họng súng của quân thù, Doãn Văn vẫn hiên ngang hô to khẩu hiệu “*Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm*”, nêu cao khí tiết cách mạng. Doãn Văn – một nhà tri thức có tinh thần yêu nước mãnh liệt đã hy sinh một cách anh dũng vì sự nghiệp của dân tộc, vì lý tưởng cách mạng chân chính, vì một tình yêu quê hương sâu sắc.

Với những công lao đóng góp của Doãn Văn trong thời kỳ 1930 – 1931, ông đã được Nhà nước tặng “*Bằng tổ quốc ghi công*” công nhận là “*Bí thư chi bộ Đảng Cộng Sản Đông Dương Kim Vân Điện*”, do Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký ngày 19 tháng 7 năm 1961.

1.4. Doãn Trương (đời thứ 7).

Theo hệ phả dòng họ Doãn, xóm Giáp Ngói cho biết: Doãn Trương là anh em thúc bá với ông Doãn Văn, Doãn Giá, ông sinh năm Đinh Hợi (1887), niên hiệu Đồng Khánh năm thứ 2, tại giáp Thổ Ngõa, làng Phú Thọ, xã Tiên Thành, tổng Quang Trung, huyện Yên Thành, Phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Doãn Trương cũng là người có tư tưởng tiến bộ, tinh thần yêu nước sâu sắc. Ngay từ những ngày đầu, khi các tổ chức Đảng được thành lập trên quê hương Yên Thành, Doãn Trương đã cùng Doãn Văn, Doãn Lương tham gia hoạt động rất tích cực.

¹⁰ “Lịch sử xã Long Thành”, sdd, tr162

Trong khoảng thời gian từ năm 1929 – 1931, Doãn Trương được tổ chức Đảng lúc bấy giờ phân công nhiệm vụ làm giao thông viên. Nhằm che mắt bọn mật thám, Doãn Trương đã lợi dụng nghề nấu rượu của gia đình để đi lại làm giao liên, móc nối liên lạc với các đảng viên ở các làng, xã khác. Ông thường đi xa để mua lúa, ngô, sản về nấu rượu cũng như gánh rượu đi bán ở các nơi làng, xã khác. Thực chất những chuyến đi đó là những lần ông đi làm nhiệm vụ. Nhờ thông minh, gan dạ nên nhiều lần Doãn Trương đã thoát khỏi vòng vây của bọn lý trưởng để bảo vệ an toàn các tài liệu quan trọng của Đảng.

Trong thời kỳ 1930 – 1931, nhà riêng của Doãn Trương cũng được sử dụng làm nơi cất giấu máy móc, tài liệu, truyền đơn, cờ búa liềm... Vào ngày 28 tháng 2 năm 1931, bọn thực dân phong kiến kéo quân về các làng vây bắt các đảng viên và quần chúng tích cực tham gia phong trào cách mạng như: Doãn Văn, Doãn Trương, Doãn Giá. Sau khi bao vây lục soát nhà Doãn Trương chúng đã tìm thấy nhiều lá cờ đỏ búa liềm, tài liệu truyền đơn tại đây. Ngày 6 tháng 5 năm 1931 (tức ngày 19/3 âm lịch), các ông Doãn Trương, Doãn Văn, Nguyễn Trương, Nguyễn Yên bị đưa ra pháp trường tại Tràng Kè (xã Mỹ Thành) xử bắn.

Do có những đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ quê hương đất nước nên ông đã được phong tặng “*bằng tổ quốc ghi công*” công nhận là “*liệt sỹ Doãn Trương giao thông viên cho chi bộ Đảng năm 1930 – 1931*” tại quyết định số: 293/TTg ngày 19 tháng 7 năm 1961.

1.5. Doãn Giá (đời thứ 7).

Doãn Giá sinh năm Ất Dậu (1885) niên hiệu Hàm Nghi năm thứ nhất tại giáp Thổ Ngõa, làng Phú Thọ, xã Tiên Thành, tổng Quang Trung, huyện Yên Thành, Phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Sinh ra và lớn lên trong cảnh đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, chứng kiến nỗi cơ cực của người dân Việt Nam, Doãn Giá sớm hình thành nên tinh thần yêu nước căm thù giặc sâu sắc. Được sự dìu dắt của người anh họ Doãn Văn, Doãn Giá đã tích cực tham gia các phong trào đấu tranh cách mạng,

Trong giai đoạn 1930 – 1931, Doãn Giá là một hội viên tích cực của Nông hội đỏ, được giáo dục bồi dưỡng và được tổ chức Đảng phân công nhiệm vụ phát truyền đơn, cổ động quần chúng đấu tranh. Sách “*Lịch sử xã Long Thành*” cho biết “*Các hội viên Nông hội đỏ cũng được giáo dục, bồi dưỡng và giao trách nhiệm quan trọng. Các ông Trần Thế, Trần Thống, Nguyễn Hồ, Đặng Hiếu, Nguyễn Quang làm nhiệm vụ bảo vệ cuộc họp; các ông Doãn Vu, Doãn Giá, Doãn*

Hội, Hoàng Khôi, Hoàng Lân, Phan Tích, Doãn Lương... làm nhiệm vụ phân phát truyền đơn và cổ động quần chúng”⁽¹¹⁾

Ngày 7 tháng 11 năm 1930 thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy tổ chức cuộc biểu tình toàn huyện. Để hưởng ứng cuộc biểu tình ngày mùng 7 tháng 11 năm 1930, vào tối ngày mùng 6 tháng 11 năm 1930, Doãn Giá được chi bộ phân công treo cờ đỏ búa liềm trên cây đa đền Giáp Ngói để hiệu triệu và tập hợp quần chúng tham gia biểu tình.

Ngày 7 tháng 2 năm 1931, Huyện ủy tiếp tục tổ chức một cuộc biểu tình lớn tại chùa Ngu tập trung lực lượng quần chúng của 3 tổng Quan Trung, Vân Tụ, Quan Hóa nhằm tuyên truyền cách mạng và vạch trần chính sách quy thuận của bọn thực dân phong kiến thống trị. Lúc này Doãn Giá được giao nhiệm vụ phát truyền đơn và cầm cờ đi đầu cổ vũ cho quần chúng nhân dân tổng Quan Trung.

Sau cuộc biểu tình ngày mùng 7 tháng 2 năm 1931, bọn mật thám đã về làng lũng sục bắt các đồng chí đảng viên và các quần chúng tích cực tham gia biểu tình. Ngày 28 tháng 2 năm 1931, ông Doãn Giá cùng với các đồng chí, đồng đội của mình bị thực dân phong kiến bắt giam. Để tra khảo và uy hiếp tinh thần những người tham gia phong trào, chúng đã treo ngược Doãn Giá lên cây bàng trước phủ huyện đường để đánh đập tra tấn nhưng ông nhất quyết không khai nhận nên chúng không có bằng chứng. Sự kiện này được sách “*Lịch sử xã Long Thành*” ghi lại như sau: “Ngày 28 tháng 2 năm 1931, chúng kéo quân về xóm Yên Ngu bắt các ông Đậu, Nông, Khương, Loát. Tiếp đó chúng về làng Điện Yên bắt các ông Trần Thế, Trần Thống, Đặng Hiếu, Phan Tích, Lê Thảo, Doãn Giá, Doãn Hồ, Nguyễn Trương, Nguyễn Yển, Doãn Văn, Nguyễn Quang, Doãn Trương... là những cán bộ chủ chốt của phong trào đem về huyện đường. Chúng đã dùng mọi hình thức để tra tấn”⁽¹²⁾.

Vì không có chứng cứ nên Doãn Giá được chúng thả về. Sau phong trào Xô Viết 1930 – 1931, ông bị mật thám và chức dịch địa phương theo dõi sát sao nên không thể hoạt động được.

Trước tình hình đó cấp trên đã điều Doãn Giá, Doãn Lương lên xứ Dừa Anh Sơn để tiếp tục hoạt động. Nhằm che mắt bọn mật thám hai ông mở hiệu buôn bán ngô, khoai để tiện bề hoạt động.

Năm 1934, Doãn Giá trở về địa phương tiếp tục hoạt động. Lúc này ông được bầu làm trưởng ban tham gia tổ chức dạy học chữ quốc ngữ. Từ năm 1936,

¹¹ “*Lịch sử xã Long Thành*”, sdd, tr162

¹² “*Lịch sử xã Long Thành*”, sdd, tr63

ông đã cho chính quyền xã mượn nhà mình để làm nơi dạy học. Được sự che chở của ông nhiều thầy giáo là đảng viên bí mật dạy học ở đây để tiện bề hoạt động và tuyên truyền cách mạng.

Năm 1941, Doãn Giá tham gia và được bầu làm chủ tịch Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh tổng Quan Trung.

Từ năm 1951 – 1952, trưởng ban vận động đóng thuế nông nghiệp xã Tiên Long.

Từ năm 1953 – 1954, trưởng ban vận động chi viện cho chiến trường Điện Biên Phủ.

Từ 1954 – 1956, trưởng ban vận động chống di cư vào Nam đối với giáo dân của xã. Trên cương vị nào ông cũng hoàn thành tốt nhiệm vụ, luôn nêu cao tinh thần người chiến sỹ cộng sản, người con của quê hương xứ Nghệ anh hùng.

Với những thành tích đó năm 1960 ông Doãn Giá là một trong những đại biểu của Nghệ An được cử ra Hà Nội tham gia thành lập Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

Do tuổi cao sức yếu ông Doãn Giá đã từ trần vào ngày 1 tháng 5 năm 1967 hưởng thọ 82 tuổi.

Để tri ân những công lao đóng góp của ông Doãn Giá ngày 14 tháng 7 năm 2008, chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An đã tặng bằng khen vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Ngày 19 tháng 11 năm 2014, UBND tỉnh Nghệ An có quyết định công nhận ông Doãn Giá là “*Lão thành cách mạng*”, “*Cán bộ tiên khởi nghĩa*”.

Theo sách “*Lịch sử xã Long Thành*” cho biết trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ họ Doãn Long Thành đã có 6 người con trong dòng họ là liệt sỹ đã hy sinh cho cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc.

Hiện nay, con cháu dòng họ Doãn xóm Giáp Ngói tiếp bước truyền thống cha ông lao động và học tập đạt được nhiều thành tích cao trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, giáo dục, an ninh quốc phòng như: Doãn Ngọc Sơn Thiếu tướng quân đội nhân dân Việt Nam; Doãn Anh Tụ đại tá, Cục phó cục Bảo vệ, Bộ Công An; 2 Tiến sỹ, 5 thạc sỹ và rất nhiều người có bằng cử nhân, cao đẳng, tất cả họ đều nguyện tiếp bước cha ông góp sức mình để xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Họ Doãn, xóm Giáp Ngói là một dòng họ có truyền thống

2.SỰ KIỆN LỊCH SỬ.

Theo sách “*Lịch sử xã Long Thành*” và lời kể của những người cao tuổi trong

làng và trong họ cho biết: Trải qua các thời kỳ lịch sử Nhà thờ họ Doãn xóm Giáp Ngói đã có nhiều đóng góp cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

+ Trong thời kỳ những năm 1930 – 1931, nhà thờ họ Doãn là địa điểm hội họp bí mật của các đảng viên trong và ngoài xã⁽¹³⁾.

+ Trong thời kỳ 1945- 1947, nhà thờ họ Doãn là nơi cất dấu vũ khí, đạn dược cho bộ đội.

+ Trong thời kỳ 1960 – 1965, nhà thờ họ Doãn được sử dụng làm kho cất giữ lương thực để phục vụ cho quân đội.

Nhà thờ họ Doãn xóm Giáp Ngói đã có nhiều thành tích trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ nên được chủ tịch nước Trần Đức Lương tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất.

V. SINH HOẠT VĂN HOÁ TÍN NGƯỠN LIÊN QUAN ĐẾN DI TÍCH.

Nhà thờ họ Doãn là nơi sinh hoạt văn hoá tâm linh của con cháu trong dòng tộc. Tại đây hàng năm diễn ra nhiều kỳ lễ trọng như: Tết Nguyên Đán 1/1 âm lịch, Xuân tế vào ngày 15/1 âm lịch, Thu tế vào ngày 15/7 âm lịch, ngày giỗ ông Doãn Văn Cháp 21/7 âm lịch, ngày giỗ thủy tổ Doãn Văn Ngôn 21/12 âm lịch và các ngày sóc vọng hàng tháng....nhưng lớn nhất là lễ giỗ tổ vào ngày 21/12 âm lịch. Đây là hoạt động đã được duy trì từ đời này qua đời khác, trở thành ngày truyền thống tốt đẹp, khơi dậy đạo lý "*Uống nước nhớ nguồn*" của con cháu họ Doãn xóm Giáp Ngói ở khắp mọi miền tổ quốc. Vào những ngày này con cháu, dâu rể xa gần đều về đây hội tụ, ai cũng mong được thắp nén hương thơm để tri ân những người có công với dân, với nước, đồng thời cầu mong các vị thần linh, tiên tổ dòng họ phù hộ độ trì cho cuộc sống của con cháu ngày càng tốt đẹp hơn.

Các kỳ lễ có hình thức tổ chức giống nhau chỉ khác ở quy mô tổ chức và cách thức biện lễ tùy vào tính chất của kỳ lễ đó.

Lễ tế tổ Doãn Văn Ngôn diễn ra vào ngày 21 tháng 12 âm lịch hàng năm.

Hiện nay lễ tế diễn ra trong thời gian hai ngày từ ngày 20 đến ngày 21 tháng 12 âm lịch hàng năm tại nhà thờ họ họ Doãn Long Thành. Trình thức lễ tế diễn ra theo nghi thức truyền thống với lễ yết cáo, đại tế và lễ tạ.

Trước khi chuẩn bị lễ tế tổ con cháu dòng họ đi tảo mộ ở nghĩa địa và các khu mộ riêng như: lăng ông Doãn Văn Cháp (lăng ông tướng), lăng bà thủy tổ cũng như vệ sinh trong ngoài di tích sạch sẽ.

+ Lễ Yết Cáo được tiến hành vào chiều ngày 20 tháng 12 âm lịch.

Lễ vật: Gồm có xôi gà, hoa quả, hương đăng, trầu rượu, tiền vàng mã

¹³"Lịch sử xã Long Thành", sdd, tr15.

Địa điểm: Tiến hành tại nhà thờ

Thành phần: Tộc trưởng, trưởng các chi cùng các vị trong hội đồng gia tộc, và con cháu trong họ.

Trình tự: Ban hành lễ bày biện lễ vật lên các ban thờ, thắp hương, gióng chiêng, trống để mời các vị thần tổ, các vị tiên linh về tham dự buổi lễ. Tộc trưởng và trưởng các chi quỳ trước ban thờ tổ tiên thỉnh mời các vị về tại nhà thờ họ để con cháu tiến hành làm lễ yết cáo với 1 tuần hương, 1 tuần rượu và đọc sớ, báo cáo với các vị tiên tổ nội dung và thời gian tiến hành lễ tế và mời các vị về dự. Sau đó hoá sớ và tiền vàng mã.

+ Lễ Đại tế diễn ra vào sáng ngày 21 tháng 12 âm lịch.

Lễ vật: gồm có xôi gà, trâu cau, hoa quả, trà tửu, tiền vàng mã...

Địa điểm: Tiến hành tại nhà thờ họ Doãn.

Thành phần: Ban lễ nghi bao gồm: 1 chủ tế, 2 bồi tế, 1 đọc chúc, 1 xướng lễ, 4 chấp sự và 1 ban nhạc lễ cùng con cháu, dâu rể trong dòng họ.

Trình tự: Bày biện lễ vật lên các ban thờ, thắp hương, gióng chiêng, trống để báo hiệu lễ đại tế chuẩn bị tiến hành. Lễ đại tế tiến hành 3 tuần rượu (*hành sơ, hành á, hành chung*) và đọc chúc ca ngợi công đức các vị tổ, thỉnh mời các vị tiên tổ của dòng họ về hâm hưởng lễ vật của con cháu cúng tiến đồng thời ban phúc, ban lộc cho con cháu, lễ tế tiến hành khoảng 2 giờ đồng hồ. Kết thúc buổi lễ con cháu xin hạ lễ để thụ lộc.

+ Lễ tạ được tiến hành vào chiều ngày 21 tháng 12 âm lịch.

Lễ vật gồm: Hoa quả, trâu rượu, hương đăng

Địa điểm tiến hành: tại Nhà thờ họ Doãn.

Thành phần: Tộc trưởng và trưởng các chi cùng các vị cao niên trong họ.

Trình tự: Bày biện lễ vật, thắp hương, gióng chiêng trống đọc chúc để cảm ơn các vị tiên tổ đã về tham dự và phù hộ độ trì cho con cháu dòng họ.

VI. KHẢO TẢ DI TÍCH

1. Khái quát vị trí địa lý, cảnh quan.

Nhà thờ họ Doãn được xây dựng trên vùng đất cao ráo thuộc trung tâm xóm Giáp Ngói. Nhà thờ nhìn về hướng Tây Nam, phía trước có sông Bùng làm minh đường, phía sau có rú Gám làm hậu chẩm, bên trái có dòng sông Dinh làm thanh long, bên phải có động Tù Và làm bạch hổ. Đứng tại di tích, du khách có thể phóng tầm mắt quan sát được cả một làng quê trù phú, với những phong cảnh vừa nên thơ, vừa hùng vĩ.

Nhà thờ họ Doãn cùng với các di tích trên địa bàn như: di tích đền thờ Hoàng Tá Thôn, đền giáp Ngói, nhà thờ họ Nguyễn Văn, nhà thờ họ Phạm,góp phần làm dày thêm truyền thống văn hiến và cách mạng của vùng đất Long Thành.

2.Khảo tả kiến trúc.

Khuôn viên di tích hiện nay có tổng diện tích là: 808m², với 3 tòa kiến trúc cổ được bố cục mặt bằng kiểu “*tiền nhất hậu đình*”thứ tự như sau: cổng, sân, Hạ đường, Trung đường, Thượng đường.

2.1. Cổng nhà thờ.

Cổng nhà thờ được xây bằng chất liệu gạch, vữa tam hợp. Cổng được làm theo kiểu 2 tầng 8 mái, mái được dát ngói vảy, chính giữa bờ nóc đắp mặt hổ phù, hai đầu đao và tám góc mái đắp họa tiết vân mây. Cổng có kích thước cao: 4,03m, dài: 2,3m, rộng: 1,9m. Lối đi được tạo theo kiểu vòm cuốn cao: 2,48m, rộng: 1,65m. Hai bên cổng là hệ thống tường bao, phần dưới được xây bằng gạch và vữa tam hợp, phần trên là các ô sắt bảo vệ. Tường cao: 1,49m, dày: 0,20m.

2.2. Sân.

Sân nhà thờ có diện tích: 63,69m²(10,4m x 6,15m), nền sân lát gạch đỏ đất nung, có kích thước: 0,30m x 0,30m. Giữa sân xây tắc môn bằng chất liệu gạch, xi măng, cao: 1,5m, dài: 1,65m, rộng: 0,15m, mặt trước tắc môn vẽ hình ông hổ, mặt sau vẽ hình rồng, mây.

2.3. Nhà Hạ đường.

a. Kết cấu kiến trúc.

Nhà Hạ đường được xây dựng vào thời Nguyễn gồm 3 gian, hai hồi, diện tích xây dựng : 67,08m² (dài:10,4 m x rộng: 6,45m). Mái lợp ngói âm dương, chính giữa bờ nóc đắp hình tượng “*Luồng long triều nguyệt*”, hai đầu đao và bốn góc mái đắp họa tiết vân mây. Nền nhà lát gạch đỏ đất nung, kích thước : 0,30m x 0,30m. Độ cao từ nền đến bờ nóc là 4,3m.

Phía trước Hạ đường tạo 3 cửa ra vào, cửa giữa có kích thước: cao: 1,75m; rộng: 2,1m, hai cửa hai bên có chiều cao: 1,75m; rộng: 1,77m, cánh cửa làm kiểu ván dật có thể tháo, lắp dễ dàng để tạo không gian thoáng mát. Phía sau để trống thông lên Trung đường, hai bên hồi xây tường. Tường có kích thước cao: 1,9m, dày: 0,2m. Hạ đường có 04 bộ vì bằng gỗ với 8 cột cái (trón 4 cột), 8 cột quân. Vì nhà Hạ đường được thiết kế tạo thành 2 kiểu khác nhau.

+ Hai vì giữa có kết cấu kiểu “*thượng giá chiêng, hạ kẻ chuyền*”.

Vì nóc: Trên đỉnh là một thượng lương tỳ lực lên một đầu hình thuyền. Đầu lại tỳ trên con rường ngắn, mập, cong lên phía trên (*thường gọi là rường bụng*

lợn). Hai đầu rường gói lên hai đầu vuông. Tất cả tỷ lệ lên quá giang, quá giang ăn mộng xuyên qua hai đầu cột trốn. Vì nách: kết cấu kiểu kẻ ngòi, kẻ được tạo dáng cổ ngỗng, ăn mộng vào đầu cột trốn, đỡ lấy câu đầu, tỷ lệ vào đầu cột quân, rồi vươn đầu cong theo chiều ngược lại. Trên tất cả các kẻ, xà, cổ ghé, bẩy hiên đều được chạm trổ trang trí các đề tài họa tiết hoa văn đặc sắc.

Nghệ thuật điêu khắc chạm trổ: Nhà thờ họ Doãn là một trong những công trình có giá trị tiêu biểu về mặt kiến trúc nghệ thuật trên địa bàn huyện Yên Thành. Khung nhà thờ được chạm trổ rất công phu bằng nghệ thuật chạm phù điêu tài hoa, với trí tượng tượng phong phú, các đề tài tứ linh, tứ quý được nghệ nhân xưa thể hiện thật cụ thể và rất có thần trở thành những tác phẩm nghệ thuật có giá trị thẩm mỹ cao. Hầu hết trên các cấu kiện kiến trúc tại nhà Bái đường đều được trang trí các mảng chạm với các đề tài long, ly, quy, phượng. Đặc biệt tại bẩy hiên vì thứ 2 (từ phải sang), mặt bên phải được các nghệ nhân chạm trổ đề tài “*cá chép hóa rồng*” trung tâm bẩy là 1 con rồng lớn đang phun nước xuống, phía dưới dòng nước những con cá chép đang cố vượt lên để hóa thành rồng với phần đầu đã hóa thành đầu rồng, thân và đuôi vẫn còn hình cá chép, bao bọc xung quanh là các đợt sóng nước đang cuộn cuộn dâng. Cá chép là con vật có thật được người xưa quan niệm nó có thể lột xác để trở thành rồng - là loài vật thần thoại, tượng trưng cho đất trời. Vì vậy, Cá chép hóa rồng thể hiện ước vọng của các sỹ tử ngày xưa đi thi về sự may mắn và thành công trong các cuộc thi để trở thành những ông Nghè, ông Cống. Mặt bên trái đặc tả ao sen. Ở đây nghệ nhân đã phác thảo ra một hồ sen, với đầy đủ hoa, lá, búp và những gợn sóng nước, giữa hồ sen có chú rùa đang tung tăng bơi lội. Rùa là con vật “*linh thiêng*” gắn với tín ngưỡng tôn giáo, có ý nghĩa cầu sự trường tồn. Ngoài ra người Việt còn quan niệm Rùa là hiện thân của trời đất với mai khum tượng cho bầu trời, bụng phẳng tượng trưng cho đất. Tuy nhiên, ở đây hình tượng con rùa ngoài việc được chạm khá thực và sống động thì trên lưng của nó lại có lá sen úp xuống và thể hiện đầy đủ các đường gân. Lá sen ấy không phải vô tình người xưa đưa vào mà “*lá sen là biểu tượng của tám vạn tư pháp môn hay mọi con đường trên đời đều đi tới đạo đó là cuống của lá sen*”¹⁴. Với nghệ thuật tả thực cùng với bố cục hài hòa cân đối, kỹ thuật chạm trổ tinh tế, đường nét uyển chuyển tạo cho bức tranh thêm sống động.

Ở bẩy hiên vì thứ 3 (từ trái sang phải) mặt bên phải cũng được các nghệ nhân chú ý tập trung các giá trị nghệ thuật khi chạm khắc đề tài “*Long mã hà đồ*”.

¹⁴ Trần Lâm Biên, Trang trí trong mỹ thuật truyền thống của người Việt, NXB Văn hóa Dân tộc

Long mã được tạo hình với mắt quý, miệng lang, sừng nai, tai thú, trán lạc đà, chân hươu, móng ngựa, đuôi bò đang chạy trên sóng nước. Long mã ở đây lại ngâm “Hà đồ” – là đồ hình tạo lập ra thế giới, muôn loài, muôn vật. Mặt bên trái chạm khắc hình tượng “chim Phượng” chim Phượng cũng là linh vật trong quan niệm truyền thống. Với đặc điểm mỏ diều hâu, mắt giọt lệ, tóc trĩ, cổ rắn, vây cá chép, mình chim, đuôi công, chân hạc, móng chim ung...chim Phượng được coi là loại chim tiên nên chim Phượng tượng trưng cho cõi tiên, cho trí tuệ, cho sự khoan dung, với nghệ thuật chạm bong kênh nghệ nhân xưa đã tạo ra hình tượng chim phượng thật mềm mại nhưng không kém phần mạnh mẽ.

Tất cả các đề tài trang trí ở bầy hiên nhà Hạ đường đều được các nghệ nhân kết hợp giữa kỹ thuật chạm lõng, chạm bong kênh để tạo ra từng đường nét chi tiết của các linh vậtCùng với bố cục hài hòa, cân đối đã tạo nên những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc phải ánh ước vọng ngàn đời của người nông dân là cầu cho mùa màng bội thu, ấm no hạnh phúc, trường sinh bất lão.

+ Hai vì ngoài có kết cấu kiểu vì “Thượng ván mê, hạ kẻ chuyền” Trên đỉnh vì là một xà nóc, xà này tỳ lực lên một đầu hình thuyền, đầu tỳ lực tẩm ván dày hình tam giác (ván mê). Tất cả tỳ lực lên câu đầu, câu đầu ăn mộng vào đầu cột cái. Đặc biệt trên ván mê của hai vì ngoài được chạm hình tượng “Hổ phù” to lớn với mắt quý tròn, mũi sư tử, miệng nhe, sừng nai, má bạnh, tóc xoắn đuôi nheo, hàm mở rộng ngâm biểu tượng của mặt trăng, hai chân bành ra bám vào thành gỗ. Trong tâm thức của người Việt, biểu tượng “Hổ phù ngâm mặt trăng” gắn liền với khát vọng cầu mùa, cầu ấm no, sung túc. Trong trường hợp này mặt trăng được thể hiện thành hình chữ “thọ”. Chữ thọ là trung tâm của ngũ phúc, nên đây không chỉ là mơ ước ấm no, đầy đủ mà còn mong muốn phát triển bền vững, trường tồn mãi mãi của các thế hệ cha ông xưa.

Vì nách kết cấu kiểu kẻ ngòi, được tạo dáng cổ ngỗng, ăn mộng vào đầu cột tròn, đỡ lấy câu đầu, tỳ lực vào đầu cột quân, rồi vươn đầu cong theo chiều ngược lại. Các kẻ được bào trơn, soi chỉ đơn giản. Trên các bầy hiên của 2 vì ngoài được trang trí hoa văn sóng nước bằng nghệ thuật chạm bong kênh đơn giản.

Kích thước các cấu kiện chính như sau :

- Thượng lương có kích thước: dài : 7,55m x rộng 0,20m x dày 0,065m.
- Rui mái chính có kích thước: dài: 3,65m x rộng: 0,10m x dày: 0,02m.
- Rui mái hồi có kích thước: dài: 1,61m x rộng: 0,10m x dày: 0,02m.

- Hoàn mái chính ngắn nhất có kích thước: dài : 7,55m x rộng : 0,10m x dày: 0,08m; hoàn mái dài nhất có kích thước : dài : 10,4mx rộng : 0,10m x dày: 0,08m.

- Hoàn mái hồi ngắn nhất có kích thước: dài: 2m x rộng: 0,10m x dày: 0,08m, hoàn mái dài nhất có kích thước: dài: 6,45m x rộng: 0,10m x dày: 0,08m

- Quá giang có kích thước: dài 1,45m x rộng: 0,20m x dày : 0,15m.

- Kê hiên có kích thước: dài 1,3m x rộng: 0,20m x dày: 0,16m.

- Cột tròn có kích thước: cao : 0,8m, đường kính : 0,18m.

- Cột cái có kích thước: cao : 3,6m, đường kính : 0,22m.

- Cột quân có kích thước: cao: 2,85m, đường kính: 0,20m.

Số đo kết cấu dọc: 1,67m, 2,27m – 2,58m – 2,25m, 1,63m.

Số đo kết cấu ngang: 1,1m – 1,05m – 1,35m – 1,05m – 1,1m.

b. Bài trí nội thất:

Nhà Hạ đường là nơi con cháu ngòi hội họp, bàn bạc việc họ hay tham dự những kỳ lễ trọng của dòng họ nên không bài trí thờ phụng. Tuy nhiên ở trên xà dọc gian giữa treo bức đại tự bằng gỗ cổ có kích thước: dài:1,8m, rộng:0,50m, dày: 0,05m với nội dung chữ Hán:

Phiên âm:

Tang tử cung kính

Tạm dịch:

Cung kính quê hương (cội nguồn)

Hai bên cột quân ở gian giữa treo đối câu đối được làm bằng gỗ cổ có kích thước: cao: 1,98m; rộng: 0,24m; dày:0,05m, với nội dung:

Phiên âm:

Trung ư quốc, hiếu ư dân, kể thế quang vinh hoàn tổ nghiệp

Chí như sơn, tâm như kính, vĩnh truyền đức hậu cụ gia phong

Tạm dịch:

Trung với nước, hiếu với dân, nối đời quang vinh nhờ tổ nghiệp

Chí như núi, tâm như gương, đức dày truyền mãi mãi nếp gia phong cũ⁽¹⁵⁾.

2.4. Nhà Trung đường:

a. Kết cấu kiến trúc:

Nhà Trung đường được thiết kế theo kết cấu kiến trúc thời Nguyễn, gồm 3 gian, diện tích 34,055m² (dài:6,95 m; rộng: 4,9m). Mái lợp ngói âm dương, chính

¹⁵Các nội dung phiên âm dịch nghĩa: Trần Văn Hữu – Cán bộ Hán Nôm, Ban quản lý Di tích – Danh thắng Nghệ an thực hiện..

giữa bờ nóc đắp mặt hồ phù, hai đầu kìm và bốn góc mái đắp hình rồng cách điệu. Nền nhà lát gạch men, kích thước : 0,30m x 0,30m. Độ cao từ nền đến bờ nóc là 4,2m.

Phía trước nhà Trung đường để trống thông ra hạ điện. Phía sau gian giữa để trống thông lên nhà Thượng đường, hai gian trái, phải xây tường kín, hai đầu hồi xây tường bít đốc, tường cao: 4,2m, dày: 0,2m.

- Nâng đỡ Trung đường là bộ khung gỗ với hệ thống cột cái, cột quân, xà ngang, xà dọc, kẻ liên kết với nhau bằng các kỹ thuật lắp ghép mộng truyền thống tạo nên bộ khung nhà rất vững chắc. Tổng cộng nhà Trung đường có 6 cột trốn và 6 cột quân. Các cột quân kê trên chân tảng bằng đá hình vuông, kích thước: 0,30m x 0,30m, cao: 0,02m. Nhà Trung đường có 03 bộ vì.

+ Vì có kết cấu kiểu “*giao nguyên kẻ suốt*”. Trên các cầu kiện gỗ nhà Trung đường để trơn không trang trí. Ở trên ván âm nhà trung đường ghi dòng lạc khoản về thời gian tu tạo nhà như sau: “*Bảo Đại Kỳ tị tứ niên, mạnh xuân khởi công, trọng hạ công thuận*”. Tạm dịch “*Năm Kỷ Tị (1929), niên hiệu Bảo Đại năm thứ 4, khởi công đầu mùa Xuân, hoàn thành đầu mùa hạ*”

Kích thước các cầu kiện chính như sau :

- Thượng lương có kích thước: dài : 6,9m x rộng 0,14m x dày 0,045m.

- Hoàn mái có kích thước: dài : 6,9m x rộng : 0,08m x dày: 0,065m.

- Rui mái có kích thước: dài: 3,2m x rộng: 0,075m x dày: 0,02m.

- Cầu đầu có kích thước: dài: 1,2m x rộng: 0,15 m x dày: 0,09m.

- Cột quân có kích thước: cao: 2,93m, đường kính: 0,16m.

- Cột trốn có kích thước: chiều cao: 0,65m; đường kính: 0,15m.

Số đo kết cấu dọc: 0,4m – 2m – 2,03m – 1,97m – 0,55m.

Số đo kết cấu ngang: 1,05m - 0,85m – 1,15m – 0,85m – 1m.

b. Bài trí thờ phụng tại nhà Trung đường:

Nhà Trung đường bài trí 3 cung thờ ngang.

- ***Cung giữa là cung thờ công đồng.***

Ngoài cùng bài trí 1 hương án gỗ, có kích thước: dài: 1,05m; cao: 1,2m; rộng: 0,61m. Hương án được chạm trổ khá tinh xảo. Diềm là các cánh sen cách điệu, phần thân chính chia làm nhiều ô hình vuông, hình chữ nhật, to, nhỏ, đan ken. Trong các ô được trang trí các đề tài tứ linh, tứ quý. Trên hương án bài trí 01 lư hương đồng cao: 0,15m, đường kính: 0,16m; 02 cọc nền, cao: 0,22m, đường kính: 0,08m; một giá chúc có kích thước: cao: 0,4m, rộng: 0,30m, dày: 0,15m. Hai

bên hương án bài trí 2 con hạc làm bằng chất liệu gỗ, mới được sơn son thếp vàng có chiều cao: 1,5m, rộng: 0,40m.

Tiếp sau hương án là 01 giường thờ bằng gỗ cổ có chiều cao: 0,58m; dài: 1,6m; rộng: 0,58m. Trên giường thờ bài trí 1 mâm chè gỗ mới có kích thước: cao: 0,13m, dài: 0,35m, rộng: 0,23m.

Sau cùng kê 01 bàn thờ bằng gỗ có kích thước cao: 0,90m, dài: 1,48m, rộng: 0,69m. Trên hương án bài trí 1 mâm chè gỗ mới có kích thước: cao: 0,13m, dài: 0,35m, rộng: 0,23m.

- Cung bên phải là nơi thờ Doãn Văn Cháp, Doãn Văn và chi thứ 1.

Ngoài cùng bài trí 01 hương án mới bằng gỗ, có kích thước: dài: 1,15m; cao: 1,03m; rộng: 0,85m. Hương án được chạm trổ khá tinh xảo. Diềm là các cánh sen cách điệu, phần thân chính chia làm nhiều ô hình vuông, hình chữ nhật, to, nhỏ, đan ken. Trong các ô được trang trí các đề tài tứ linh, tứ quý. Trên hương án chính giữa bài trí 01 bát hương sứ cổ cao: 0,10m; đường kính: 0,20m, hai bên 02 chân nến gỗ mới cao: 0,20m; đường kính: 0,08m.

Tiếp sau hương án là 01 giường thờ bằng gỗ cổ có chiều cao: 0,58m, dài: 1,6m; rộng: 0,58m. Trên giường thờ bài trí 01 mâm chè gỗ mới có kích thước: cao: 0,13m, dài: 0,35m, rộng: 0,23m.

Sau cùng kê 01 giường thờ bằng gỗ cổ có chiều cao: 0,58m, dài: 1,6m; rộng: 0,58m. Trên giường thờ bài trí 01 giá gương có kích thước: cao: 0,40m, rộng: 0,30m, dày: 0,07m.

- Cung bên trái là nơi thờ Doãn Truong, Doãn Giá và chi thứ 2.

Ngoài cùng bài trí 01 hương án mới bằng gỗ, có kích thước: dài: 1,15m; cao: 1,03m; rộng: 0,85m. Hương án được chạm trổ khá tinh xảo. Diềm là các cánh sen cách điệu, phần thân chính chia làm nhiều ô hình vuông, hình chữ nhật, to, nhỏ, đan ken. Trong các ô được trang trí các đề tài tứ linh, tứ quý. Trên hương án chính giữa bài trí 01 bát hương sứ cổ cao: 0,10m; đường kính: 0,20m, hai bên 02 chân nến gỗ mới cao: 0,20m; đường kính: 0,08m.

Tiếp sau hương án là 01 giường thờ bằng gỗ cổ có chiều cao: 0,58m, dài: 1,6m; rộng: 0,58m. Trên giường thờ bài trí 01 mâm chè gỗ mới có kích thước: cao: 0,13m, dài: 0,35m, rộng: 0,23m.

Sau cùng kê 01 giường thờ bằng gỗ cổ có chiều cao: 0,58m, dài: 1,6m; rộng: 0,58m. Trên giường thờ bài trí 01 giá gương có kích thước: cao: 0,40m, rộng: 0,30m, dày: 0,07m.

2.4. Nhà Thượng đường.

Nhà Thượng đường nằm dọc so với Trung đường, Hạ đường. Nhà được xây dựng vào thời Nguyễn, gồm 2 gian, 2 hồi, diện tích xây dựng: $22,96\text{m}^2$ (dài: $5,6\text{m}$, rộng: $4,1\text{m}$), ba phía xây tường, mặt trước thông với nhà Trung đường, mái lợp ngói âm dương, nền lát gạch đỏ đất nung kích thước $0,3\text{m} \times 0,3\text{m}$. Độ cao từ đỉnh xuống nền nhà là $4,1\text{m}$.

Bờ nóc, bờ giải xây gạch, có phủ lớp áo vữa. Chính giữa bờ nóc được trang trí hình tượng "hổ phủ đội mặt trời", hai đầu bờ nóc và 4 đầu đao đắp hình rồng cách điệu.

Bộ khung nhà Thượng đường làm bằng gỗ lim với hệ thống cột, xà, kẻ, rường, đấu kết hợp với kỹ thuật lắp ghép mộng truyền thống làm cho khung nhà càng thêm vững chắc. Nhà Thượng đường có 6 cột cái trôn và 6 cột quân, các cột quân kê trên chân tảng có kích thước cao: $0,03\text{m}$, cạnh: $0,3\text{m} \times 0,3\text{m}$.

Bộ vì là yếu tố cơ bản của kết cấu khung gỗ, là sự liên kết tất cả các cấu kiện: cột, xà, kẻ... Nó vừa là kết cấu chịu lực, nâng đỡ mái, vừa là đơn vị cấu thành tổ chức không gian của công trình. Nhà Thượng đường có 3 bộ vì được thiết kế theo 2 kiểu.

Bộ vì giữa nhà Thượng đường được làm theo kiểu "*Thượng giá chiêng, hạ kẻ chuyễn*", đỉnh vì là một thượng lương tỳ lực lên đầu hình thuyền, đầu tỳ lực lên con rường bụng lợn, rường tỳ lực lên câu đầu qua đầu vuông thót đáy. Câu đầu ăn mộng qua đầu cột trôn và liên kết với kẻ chuyễn, bẩy tạo thành một bộ vì chắc chắn.

Các cấu kiện gỗ nhà Thượng đường được các nghệ nhân xưa chú trọng trang trí với các đề tài như: Hổ phủ, lưỡng long triều nguyệt, hoa dây hóa rồng, sen, hoa văn sóng nước.

Trên ván âm vì thứ 2 có nhân dòng lạc khoản bằng chữ Hán ghi lại thời gian tu tạo di tích: "*Bảo Đại nhị niên tu tạo*", "*Định Mão thất nguyệt hoàn thành*", nghĩa là (*Tu sửa năm Bảo Đại thứ hai(1927)*) "*Hoàn thành vào tháng 7 năm Đinh Mão(1927)*".

Hai vì đầu đốc thiết kế theo kiểu "*thượng ván mê, hạ kẻ chuyễn*".

Số đo chi tiết của các cấu kiện gỗ chính như sau :

- Thượng lương có kích thước: dài $3,55\text{m}$ x rộng $0,19\text{m}$ x dày $0,06\text{m}$.
- Hoành mái chính ngắn nhất có kích thước: dài: $3,55\text{m}$ x rộng $0,10\text{m}$ x dày $0,06\text{m}$, hoành mái chính dài nhất có kích thước: $5,6\text{m}$ x rộng: $0,10\text{m}$ x dày: $0,06\text{m}$.

- Hoàn mái hồnggấn nhất có kích thước: dài; 2m x rộng 0,10m x dày 0,06m, hoàn mái hồi dài nhất có kích thước: dài: 4,1m x rộng 0,10m x dày 0,06m.

- Rui mái chính có kích thước: dài 3,1m x rộng 0,10m x dày 0,02m;

- Rui mái hồi có kích thước: dài 0,93m x rộng 0,10m x dày 0,02m.

- Bẫy có kích thước: dài 1,2m x rộng 0,20m x dày 0,15m.

- Cầu đầu có kích thước: dài 0,95m x rộng 0,20m x dày 0,15m.

- Cột quân có kích thước: cao: 3m, đường kính; 0,21m.

- Cột tròn có kích thước: cao: 0,6m, đường kính: 0,18m.

Số đo kết cấu nhà theo chiều dọc: 1,25m - 1,95m - 1,6m - 0,8m

Số đo kết cấu nhà theo chiều ngang: 0,85m - 2,35m - 0,9m.

b. Bài trí nội thất.

Nhà Thượng đường bài trí một cung thờ dọc, đây là nơi thờ phụng thủy tổ Doãn Văn Ngôn.

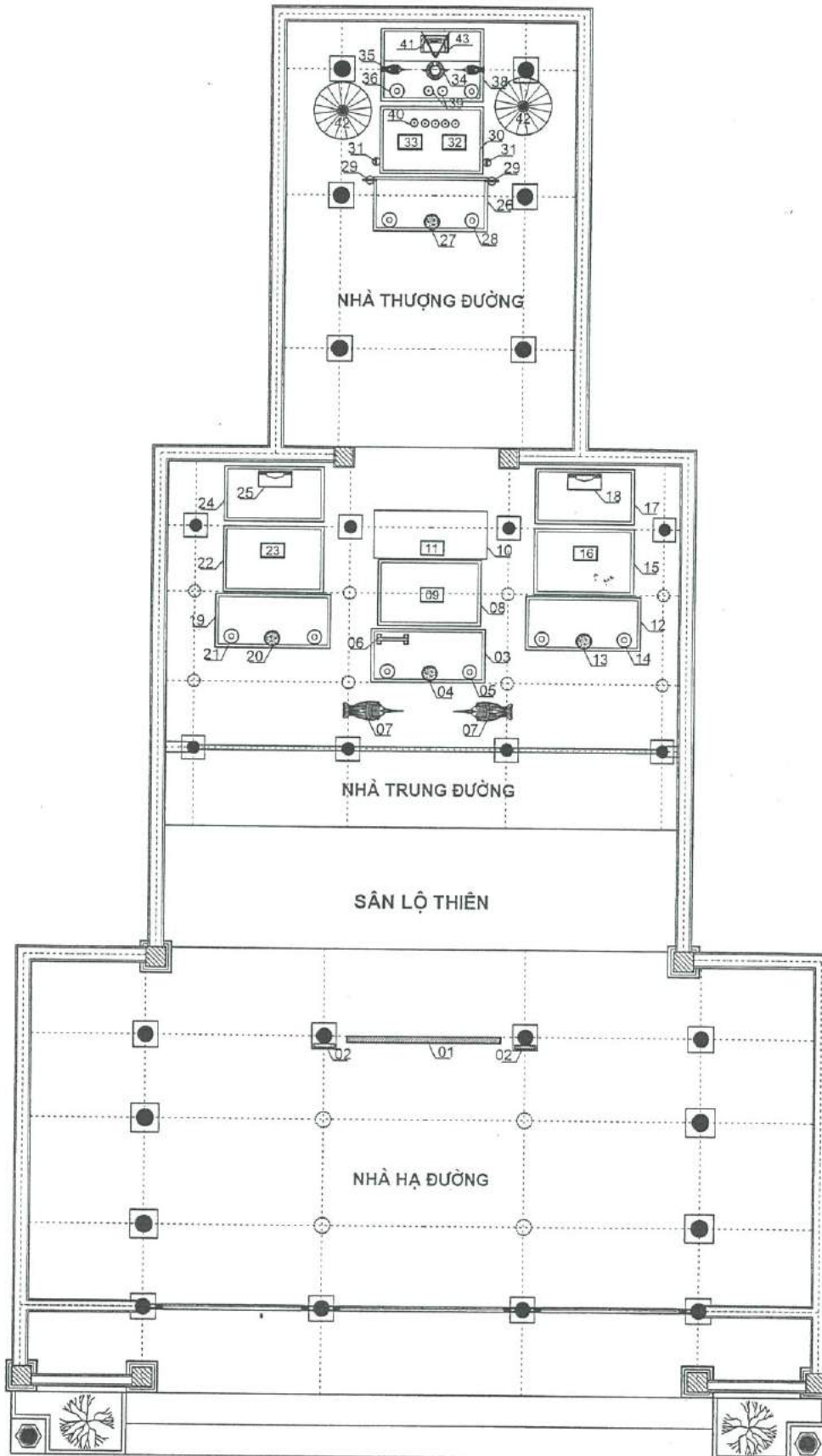
Ngoài cùng bài trí 01 hương án bằng gỗ mới được sơn son thếp vàng có kích thước: dài: 1,15m; cao: 1,03m; rộng: 0,85m. Hương án được chạm trổ khá tinh xảo, diềm là các cánh sen cách điệu, phần thân chính chia làm nhiều ô hình vuông, hình chữ nhật, to, nhỏ, đan ken. Trong các ô được trang trí các đề tài tứ linh, tứ quý. Trên hương án bài trí 1 lư hương gỗ mới có kích thước cao: 0,30m, rộng: 0,27m, hai bên bài trí 02 cọc nền bằng gỗ cao: 0,20m, đường kính: 0,08m. Hai bên hương án bài trí 02 biển gỗ có kích thước: cao 2,2m, rộng biển 0,30m, biển bên phải có nhân chữ Hán cả 2 mặt “Năm trứ”, “Linh ứng”, biển bên trái nhân chữ Hán có nội dung “Sắc phúc”, “Tích dân”, lạc khoản: đồng tử hội cúng bái, Bảo Đại Kỷ Mão thu (*hội đồng tử cúng bái, mùa Thu, năm Kỷ Mão, Bảo Đại (1939)*).

Sau hương án là 02 giường thờ bằng gỗ cổ đặt sát nhau có kích thước dài: 1,48, cao: 0,53m, rộng: 1,2m. Trên giường thờ bài trí 02 mâm chè, 02 con hạc gỗ cao: 0,83m, 02 cọc nền cao: 0,20m, 01 đỉnh trầm cao: 0,35m, đường kính: 0,15m và 1 hộp sắc có kích thước: dài: 0,60m, rộng: 0,22m, cao: 0,20m. Hai bên giường thờ bài trí 2 thanh đại đao bằng gỗ cổ có chiều cao: 2,5m.

Trong cùng là một bàn thờ bằng gỗ có kích thước dài: 1,6m; cao: 1,08m; rộng: 0,82m. Trên bàn thờ bài trí 2 đài trản to, 03 đài trản nhỏ, 02 kiểng gỗ, 02 lọng che, và 01 long ngai bài vị có kích thước dài: 0,50m, rộng: 0,40, cao: 1m, với vị hiệu: “*Thủy tổ tiên Lê triều Hương công, triều cơ Doãn quý công tụy Văn Ngôn*”. Nghĩa là (*Thủy tổ Doãn Văn Ngôn đậu Hương Công triều Lê, có công khai cơ lập làng*).

VII. SƠ ĐỒ PHÂN BỐ DI VẬT, CỔ VẬT, BẢO VẬT QUỐC GIA THUỘC DI TÍCH.

Nhà thờ họ Doãn có tổng số hiện vật: 62, trong đó có 22 cổ vật và 40 di vật.



CHÚ THÍCH:

- 01: ĐẠI TỰ
- 02: CẦU ĐỐI
- 03: HƯƠNG ÁN
- 04: BÌNH HƯƠNG
- 05: CỌC NÉN
- 06: GIÁ CHỨC
- 07: HẠC
- 08: GIƯỜNG THỜ
- 09: MÂM CHÈ
- 10: BÀN THỜ
- 11: MÂM CHÈ
- 12: HƯƠNG ÁN
- 13: BÁT HƯƠNG
- 14: CỌC NÉN
- 15: GIƯỜNG THỜ
- 16: MÂM CHÈ
- 17: GIƯỜNG THỜ
- 18: GIÁ GƯƠNG
- 19: HƯƠNG ÁN
- 20: BÁT HƯƠNG
- 21: CỌC NÉN
- 22: GIƯỜNG THỜ
- 23: MÂM CHÈ
- 24: GIƯỜNG THỜ
- 25: GIÁ GƯƠNG
- 26: HƯƠNG ÁN
- 27: LƯ HƯƠNG
- 28: CỌC NÉN
- 29: BIỂN GỖ
- 30: GIƯỜNG THỜ
- 31: ĐẠI ĐÀO
- 32: MÂM CHÈ
- 33: MÂM CHÈ
- 34: ĐỈNH TRẮM
- 35: HẠC GỖ
- 36: CỌC NÉN
- 37: HỘP SẮC
- 38: BÀN THỜ
- 39: ĐÀI TRẦN
- 40: ĐÀI TRẦN
- 41: KIẾM GỖ
- 42: LONG
- 43: LONG NGAI

III. GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HOÁ, KHOA HỌC, THẨM MỸ CỦA DI TÍCH

1. *Giá trị lịch sử:*

Nhà thờ họ Doãn là công trình văn hóa tâm linh được khởi dựng cách đây hàng trăm năm. Sự tồn tại của di tích gắn liền với bao thăng trầm của lịch sử xã Long Thành cũng như lịch sử huyện Yên Thành.

Nhà thờ họ Doãn là nơi thờ tự tiên tổ của dòng họ, trong đó có những người có công với dân với nước được nhân dân tôn kính phôi thời ở đền và các triều đại phong kiến ban sắc như: Doãn Văn Ngôn, Doãn Văn Cháp họ là những người học hành đậu đạt và có công khai cơ lập làng, tham gia chống giặc ngoại xâm để bảo vệ đất nước. Ngoài ra nhà thờ còn là nơi thờ tự những anh hùng liệt sỹ đã cống hiến tuổi thanh xuân cho độc lập dân tộc trong cao trào xô viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931 như: Doãn Văn, Doãn Trương, Doãn Giá. Thông qua hành trạng của các nhân vật, lịch sử xây dựng di tích cho chúng ta hiểu thêm về bối cảnh lịch sử đương thời và quá trình hình thành, phát triển của dòng họ Doãn xã Long Thành.

Tại di tích còn lưu giữ gia phả bằng chữ Hán, văn cúng bằng chữ Hán, nội dung sắc phong. Đây là những cứ liệu lịch sử quý giá để chứng minh công trạng của các vị tiên tổ họ Doãn, xóm Giáp Ngói. Mặt khác, các tài liệu quý này cũng góp phần không nhỏ vào công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử địa phương cũng như lịch sử đất nước với những tên đất, tên làng gắn với sự hình thành và phát triển của làng, xã từ xưa đến nay. Đồng thời giúp thế hệ mai sau có cái nhìn sâu sắc và khách quan hơn đối với sự phát triển thăng trầm của đất nước.

Nhà thờ họ Doãn là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử của địa phương như: đây từng là điểm hội họp bí mật, in ấn truyền đơn của các đảng viên trong thời kỳ những năm 1930 – 1931, nhà thờ còn là kho cất dấu vũ khí đạn dược, kho dự trữ lương thực cho quân đội. Chính vì những đóng góp đó mà nhà thờ họ Doãn đã được Chủ tịch nước Trần Đức Lương tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất.

2. *Giá trị văn hoá:*

Di tích là nơi thờ phụng các vị tiên tổ của dòng họ, những người có công với quê hương, đất nước, được nhân dân tôn là vị thần linh thiêng của làng, của xã. Chính vì vậy, đây cũng là địa chỉ sinh hoạt văn hoá tâm linh của con cháu dòng họ Doãn.

Tại di tích hàng năm thường diễn ra nhiều kỳ lễ trọng, tiêu biểu như: Xuân tế vào ngày 15/1 âm lịch, Thu tế vào ngày 15/7 âm lịch; ngày giỗ ông Doãn Văn Ngôn, Doãn Văn Cháp, ngày thương binh liệt sỹ 27/7 và các ngày sóc vọng hàng

tháng. Đó là những hoạt động văn hóa tâm linh đầy ý nghĩa, thể hiện sự quan tâm của con cháu nhằm tôn vinh và tưởng nhớ công lao của các bậc tiền nhân, khơi dậy truyền thống uống nước nhớ nguồn, lòng yêu quê hương đất nước ở thế hệ trẻ. Đó chính là những việc làm nhằm tôn vinh những giá trị văn hoá phi vật thể tốt đẹp của dân tộc.

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử con cháu dòng họ Doãn vẫn bảo tồn và phát huy giá trị những nghi thức tế lễ truyền thống góp phần bảo lưu và gìn giữ nét đẹp văn hóa tâm linh đậm đà bản sắc xứ Nghệ. Đây chính là di sản văn hóa phi vật thể mà cha ông đã dày công xây dựng.

2. Giá trị khoa học - thẩm mỹ của di tích.

Nhà thờ họ Doãn là công trình kiến trúc tâm linh xây dựng vào thời Nguyễn. Giá trị khoa học thẩm mỹ của di tích được thể hiện ở các mặt sau:

Về vị trí địa lý: Di tích được con cháu lựa chọn xây dựng ở vị trí cao ráo với thế “*toa sơn, vọng thủy*” mang lại nhiều may mắn, phúc lộc cho con cháu dòng họ.

Di tích được xây dựng vào thời Nguyễn bằng chất liệu gỗ với kỹ thuật lắp ghép mộng truyền thống vẫn đứng vững qua hàng trăm năm tồn tại. Giá trị về mặt điêu khắc nghệ thuật chủ yếu tập trung trên các cấu kiện kiến trúc gỗ và trên các hiện vật, phản ánh được lý tưởng thẩm mỹ, phong cách sáng tạo của một thời đại. Đáng chú ý là các mảng chạm trang trí hình hổ phù, phượng hàm thư, long mã hà đồ, cá chép vượt vũ môn... ở trên vì nóc, bẩy hiên Hạ đường, vì giữa Thượng đường... Với kỹ thuật tinh xảo kết hợp giữa chạm bong kênh, chạm lõng, thông qua những đường nét dứt khoát và điêu luyện, các nghệ nhân xưa đã thể hiện các hình tượng tứ linh, tứ quý... một cách sống động. Đây là những tư liệu sống động để thế hệ mai sau tìm hiểu nghiên cứu về các giá trị, phong cách kiến trúc nghệ thuật của thời Nguyễn. Qua các hình tượng được chạm khắc tại di tích đã thể hiện ước vọng của tầng lớp Nho Sĩ xưa về quá trình vượt vũ môn để trở thành ông Nghè, ông Cống, cầu cho mùa màng bội thu, ấm no hạnh phúc.

Các nghệ nhân xưa luôn tìm tòi, sáng tạo các tác phẩm nghệ thuật để tô điểm thêm giá trị thẩm mỹ cho công trình kiến trúc. Qua các tác phẩm nghệ thuật kiến trúc chạm khắc tại nhà thờ họ Doãn cho chúng ta hôm nay và các thế hệ mai sau có thể thưởng thức kho tàng mỹ thuật truyền thống của người Việt và đồng thời cũng góp phần làm phong phú thêm kho tàng kiến trúc nghệ thuật truyền thống ấy.

Các mảng chạm tại nhà thờ họ Doãn là những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc có giá trị nghiên cứu về các giá trị mỹ thuật cổ truyền trên kiến trúc gỗ cổ của

người Việt. Những tác phẩm nghệ thuật này là trí tuệ của nhân dân ta đã được đúc kết qua nhiều thế hệ để đạt được trình độ thẩm mỹ cao. Những người thợ vừa là nghệ nhân, vừa là nghệ sỹ họ cùng nhau sáng tạo ra các tác phẩm nghệ thuật sống động có giá trị nghệ thuật cao để lại cho hậu thế mai sau.

IX. THỰC TRẠNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH.

- Nhà Thờ được xây dựng thời Nguyễn với quy mô 2 tòa (*thượng đường và hạ đường hiện nay*)

- Năm Bảo Đại thứ hai 1927 tu sửa lại nhà Thượng đường.

- Năm 1929 xây dựng thêm nhà Trung đường.

- Năm 2007 tu bổ, tôn tạo lại nhà Hạ đường.

Theo kết quả kiểm kê năm 1996, 2014, lưu tại kho ban quản lý Di tích – Danh thắng, di tích nhà thờ họ Doãn đã được kiểm kê và đưa vào danh mục phân cấp quản lý di tích và giao cho UBND xã Long Thành trực tiếp quản lý. Hiện nay nhà thờ họ Doãn đang được chính quyền địa phương và con cháu dòng họ bảo vệ, phát huy tốt giá trị di tích.

X. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH

1. Phương hướng bảo vệ di tích

- UBND huyện Yên Thành, UBND xã Long Thành kết hợp với Ban quản lý Di tích Danh Thắng thực hiện cắm mốc, khoanh vùng bảo vệ, tạo cơ sở pháp lý nhằm ngăn chặn sự xâm lấn di tích.

- Khi tu sửa, tôn tạo di tích phải thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước về tu sửa, tôn tạo di tích và được cấp có thẩm quyền cho phép, cơ quan chuyên môn phê duyệt, hướng dẫn nghiệp vụ để đảm bảo tính khoa học chuyên ngành nhằm bảo tồn được các giá trị của di tích.

- Có phương án tu sửa, phục chế lại các hiện vật đã bị hư hỏng.

- Việc tiếp nhận các hiện vật công đức phải được sự đồng ý của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền, nghiêm cấm việc công đức và nhận công đức các linh vật lạ, các hiện vật không phù hợp với việc thờ phụng tại di tích (*tuân thủ nghiêm túc nội dung công văn 2662/BVHTTDL-MTNATL ngày 08/ 08/2014 của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch/V/v không sử dụng biểu tượng, sản phẩm, linh vật không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam*).

- Thành lập tổ quản lý di tích để tăng cường hiệu quả công tác bảo vệ, phát huy giá trị di tích. Tổ quản lý di tích phải đặt dưới sự quản lý của chính quyền địa phương. Các thành viên trong tổ quản lý di tích phải có trình độ nhận thức, hiểu biết nhất định về di tích và được hướng dẫn về công tác bảo vệ di tích.

- Bài trí lại đồ thờ tự tại di tích cho hợp lý.

- Tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân, con cháu dòng họ về nội dung giá trị của di tích cũng như Luật Di sản văn hóa để góp phần nâng cao ý thức bảo vệ di tích.

2. Phương hướng phát huy giá trị di tích

- Xây dựng bản thuyết minh về nội dung giá trị di tích để tổ quản lý, chính quyền địa phương có cơ sở giới thiệu tuyên truyền cho các du khách gần xa.

- Xây dựng biển chỉ dẫn di tích, bia dẫn tích, nội quy tham quan thăm viếng di tích.

- Tiếp tục bảo tồn và phát huy những hoạt động văn hóa tín ngưỡng lành mạnh hiện có tại di tích.

- Lập quy hoạch tổng thể cho khuôn viên di tích tạo cơ sở khoa học cho việc xây dựng thêm các công trình phụ trợ như nhà khách, nhà vệ sinh trong khu vực II... cũng như tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp cho di tích.

- Kết hợp với các trường học để tổ chức nói chuyện, tìm hiểu về lịch sử truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, của địa phương cũng như giúp các em hiểu rõ hơn về các công trình tín ngưỡng cổ truyền của dân tộc, biến di tích trở thành một địa điểm để giáo dục truyền thống văn hóa, tìm hiểu và nghiên cứu các nét văn hóa truyền thống ngay tại di tích.

XI. KẾT LUẬN

Nhà thờ họ Doãn là một công trình kiến trúc cổ, quý mang đậm phong cách kiến trúc thời Nguyễn. Các công trình kiến trúc vẫn được bảo lưu tương đối nguyên vẹn như nhà Hạ đường, Thượng đường với nghệ thuật trang trí kiến trúc đặc sắc trên các cấu kiện gỗ.

Di tích là nơi thờ phụng thủy tổ và hậu duệ họ Doãn, trong đó có những người có công với dân, với nước, sau khi mất được nhân dân tôn làm hậu thần thờ phụng ở đền làng. Tại di tích còn lưu giữ nhiều hiện vật cổ, quý như gia phả chữ Hán, câu đối, nội dung sắc phong, long ngai bài vị....

Hiện nay, di tích đang được chính quyền địa phương, nhân dân và con cháu dòng họ Doãn xóm Giáp Ngói xã Long Thành ra sức bảo vệ, gìn giữ và phát huy các di sản vật thể và phi vật thể.

Việc lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích Nhà thờ họ Doãn trình UBND tỉnh ra quyết định xếp hạng di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh là hết sức cần thiết nhằm tạo cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý để bảo vệ và phát huy những giá trị tốt đẹp của di tích.

XII. CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam huyện Yên Thành, (2010), *Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Thành (1930-2005)*, Hà Nội, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

2. Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã Long Thành, (2013), *Lịch sử xã Long Thành*, Hà Nội, Nhà xuất bản Hồng Đức

2. Bùi Dương Lịch,(1993), *Nghệ An Ký*, Hà Nội, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

3. Gia phả họ Doãn bản chữ Hán lưu tại nhà thờ.

4. Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Yên Thành, (1990), *Lịch sử huyện Yên Thành*, Tập 1, Nghệ Tĩnh, Nhà xuất bản Nghệ Tĩnh.

5. Hoàng Cao Khải, (1971), *Việt sử yếu*, Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản năm 1971.

6. Lê Quý Đôn,(1996), *Đại Việt thông sử*, Nhà xuất bản tổng hợp Đồng Tháp

7. Ninh Viết Giao,(2005), *Tục thờ thần và thần tích Nghệ An*, Nghệ An, Nhà xuất bản Nghệ An.

8. Ngô Đức Thọ và Doãn Nguyên, (2003), *Đồng Khánh địa dư chí*, Hà Nội, Nhà xuất bản Thế giới.

9. Nguyễn Đức Thiềm, (2000), *Góp phần tìm hiểu bản sắc kiến trúc truyền thống Việt Nam*, Nhà xuất bản Xây dựng.

10. Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng (2001), *Các triều đại Việt Nam*, Hà Nội, Nhà xuất bản Thanh Niên.

11. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia – Viện Sử học, (1998), *Khâm định việt sử thông giám cương mục*, Tập 1, Hà Nội, Nhà xuất bản Giáo dục.

12. Viện nghiên cứu Hán Nôm, *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*.

13. Viện khoa học xã hội Việt Nam, (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, Hà Nội, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Nghệ An, ngày 20 tháng 5 năm 2016

XIII. XÁC NHẬN CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC LẬP LÝ LỊCH DI TÍCH:

BAN QL DI TÍCH- DANH THẮNG

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Hưng

**KT TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Hoàng Thị Khánh

